

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Số: 1813 /TTPTQĐ.CNLT-BT.N3

V/v Niêm yết công khai
Phương án bồi thường, hỗ trợ thuộc
dự án Hạng mục đường gom trái,
đường gom phải, đường gom
ĐT.770B, đường quay đầu xe thuộc
Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định
cư dự án thành phần 2 thuộc dự án
Đầu tư xây dựng đường bộ
cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu giai
đoạn 1, tại xã Phước Thái (đợt 3).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 14 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: UBND xã Phước Thái

Căn cứ Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 14 /9/2026, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án Hạng mục đường gom trái, đường gom phải, đường gom ĐT.770B, đường quay đầu xe thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu giai đoạn 1, tại xã Phước Thái (đợt 3).

(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).

Nay Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND xã Phước Thái niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở UBND xã Phước Thái, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Phước Thái trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND xã Phước Thái quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ.TTPTQĐ. CNLT;
- Tổ BT (đ/c Sơn, Triều, Hải);
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mai Ngọc Thắng

Số: /PADK-TIPTQĐ.CNLT-TBT.N3 Long Thành, ngày tháng 9 năm 2026.

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

Về bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án
Hạng mục đường gom trái, đường gom phải, đường gom ĐT.770B, đường
quay đầu xe thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành
phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ
cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu giai đoạn 1

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế,
chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ
quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành
Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy
định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng
mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 90/VBHN-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều
Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh
Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long
Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí
đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND thành phố Đồng Nai sửa đổi, bổ sung phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá về bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1; Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1;

Căn cứ Quyết định 970/QĐ-UBND Ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 17/7/2026 của UBND xã Phước Thái về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Hạng mục đường gom trái, đường gom phải, đường gom ĐT.770B, đường quay đầu xe thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân xã Phước Thái chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2, 3, 4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án dự kiến dự án Hạng mục đường gom trái, đường gom phải, đường gom ĐT.770B, đường quay đầu xe thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 cụ thể như sau:

II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Tổng diện tích đất thu hồi:

- Tổng số trường hợp: **54 trường hợp.**
- Tổng diện tích đất thu hồi: **14.664,3m²** Trong đó:
 - + Đất nông nghiệp (CLN, BHK (HNK), LUK, RSX) là: 13.894,2 m²,
 - + Đất công do UBND xã quản lý là: 19,2 m²
 - + Đất phi nông nghiệp (ONT) là: 750,9 m²

1.1. Bồi thường đất:

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND.

Về loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã Phước Thái về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, diện tích, loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành.

1.2. Bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã Phước Thái về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND xã Phước Thái chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Hiện nay UBND xã Phước Thái chưa thống nhất việc phân loại cấp hạng nhà. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tạm thời chưa áp giá. Sau khi có cơ sở xác định phân loại nhà, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ thực hiện áp giá bổ sung nhà, vật kiến trúc, tài sản khác (nếu có).

1.3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ

lục kèm theo các Quyết định này.

Đối với những trường hợp cây lâu năm cần xác định năm tuổi và năm thu hoạch, Hội đồng bồi thường dự án Hạng mục đường gom trái, đường gom phải, đường gom ĐT.770B, đường quay đầu xe thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu giai đoạn 1 chưa thực hiện việc rà soát, thống nhất độ tuổi, thời gian thu hoạch cây trồng của các hộ dân nên Trung tâm Phát triển quỹ chi nhánh Long Thành đất chưa có cơ sở thực hiện việc áp giá bồi thường, hỗ trợ. Sau khi xác định được năm tuổi, năm thu hoạch. Trung tâm Phát triển quỹ chi nhánh Long Thành sẽ áp giá bổ sung cho người dân.

1.4. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 10, 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Các trường hợp có đất thu hồi có hộ khẩu thường trú tại địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất căn cứ mẫu số 03 do Công an xã Phước Thái xác nhận và mẫu số 04 do UBND xã Phước Thái xác nhận các trường hợp đủ điều kiện (*theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ*). Hiện nay, chưa thành lập tổ công tác thực hiện xác minh nghề nghiệp cụ thể từng trường hợp làm cơ sở xác nhận đối với các trường hợp thuộc điểm d khoản 1 điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP (*theo nội dung Văn bản số 846/CATP-PV01-PC06 ngày 11/6/2026 của Công an thành phố Đồng Nai về việc hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong mẫu xác nhận số 03 theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND phục vụ công tác bồi thường trên toàn quốc*), do đó Trung tâm Phát triển Quỹ đất chưa áp giá hỗ trợ. Sau khi tổ chức xác minh, xác nhận bổ sung đầy đủ nội dung, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp giá bổ sung (nếu xác nhận đủ điều kiện).

- Các trường hợp hộ dân có đất thu hồi là có hộ khẩu thường trú ngoài địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã có văn bản gửi đến công an Phường, xã nơi hộ dân cư trú để xác nhận nhân khẩu và nghề nghiệp sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng nơi các hộ dân cư trú, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp bổ sung chính sách hỗ trợ (nếu xác nhận đủ điều kiện).

- Đối với giá gạo để áp giá hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất theo Điều 10, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, nhằm đẩy nhanh tiến độ dự án, tránh mất thời gian. Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Long Thành áp dụng giá gạo theo Văn bản số 477/PKT ngày 12/5/2026 của Phòng Kinh tế xã Phước Thái về việc xác định giá gạo làm cơ sở để thực hiện hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với dự án Đầu tư xây dựng đường ĐT.770B để áp giá hỗ trợ cho các hộ dân thuộc dự án.

1.6. Thuởng di dời:

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp: **54 trường hợp**

3. Phương án đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không có

4. Phương án bố trí tái định cư: Không có.

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

7. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: 22.708.074.411 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, năm trăm lẻ hai triệu, tám trăm năm mươi bảy ngàn, không trăm mười lăm đồng)

Trong đó:

- Bồi thường đất:	10.950.493.080 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc:	11.131.574.432 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:	167.389.064 đồng.
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ:	24.617.835 đồng
- Thưởng di dời:	434.000.000 đồng.
- Kinh phí cho UBND xã Phước Thái (0,525%):	119.217.390 đồng.
- Kinh phí cho TTPTQĐ CN Long Thành (2,975%):	675.565.214 đồng.

(Đính kèm Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ)

Trên đây là phương án về bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án dự án Hạng mục đường gom trái, đường gom phải, đường gom ĐT.770B, đường quay đầu xe thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu giai đoạn 1, tại xã Phước Thái (đợt 3).

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (DỰ KIẾN)

Dự án: Hạng mục đường gom trái, đường gom phải, đường gom ĐT.770B, đường quay đầu xe thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1, tại xã Phước Thái

(Đính kèm Phương án số /PA-TTPTQĐ.CNLT-TBT.N3 ngày tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Thành).

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)							Diện tích hộ dân để nghị thu hồi	Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất công trình xây dựng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Phi nông nghiệp		Nông nghiệp												
				Tổng	Khác	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa								
I. Đoạn đường gom trái, đường gom phải xã Phước Bình (cũ)																		
1	Ông Lê Văn Sung và Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Số 2/13 Miếu 2 xã, (phường Dư Hân, quận Lê Chân cũ) phường Trần Nguyên Hân, thành phố Hải Phòng	139,9					139,9	139,9					3.815.058	1.843.290	4.000.000	52.257.898	
2	Bà Hoàng Thị Thu Huyền	Áp 2, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	0,7					0,7	0,7							2.000.000	2.228.375	
3	Nguyễn Thị Như Thảo (1996)	Áp 6, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	332,5					332,5	78,0	254,5			2.008.570		12.000.000	147.604.420		
4	Ông Trần Thành Công (ĐG-chết) - Chưa xác định người thừa kế	Áp 1, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	172,6					172,6		172,6			7.381.902		12.000.000	151.967.794		
5	Ông Lê Thanh Liêm	382 CD, Hẻm Phú, (phường 9, Quận 8 cũ), phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	75,4					75,4	75,4				2.448.705	921.645	4.000.000	30.329.650		
6	Bà Trần Thị Ngọc Hân	Áp 2, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	997,9					997,9	997,9				27.681.240	3.686.580	16.000.000	439.850.485		
7	Ông Đặng Phước Vĩnh	60 đường 2, (phường 5, quận 8 cũ) phường Bình Đông, thành phố Hồ Chí Minh	622,7					615,7	615,7			7,0	17.938.240	921.645	16.000.000	229.357.085		
8	Bà Phạm Thị Huệ	KP Mỹ Khoan, Phường Nhơn Trạch, (Kp Phước Mỹ, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch cũ), TP. Đồng Nai	1502,5					1495,7	1495,7			6,8	664.494	3.686.580	16.000.000	481.249.524		
9	Bà Phan Thị Sáu	Áp 1, xã Phước Thái (áp 1, xã Phước Bình cũ), thành phố Đồng Nai	89,1					89,1	89,1				2.494.461			33.888.846		

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m²)	Diện tích đất bồi thường (m²)							Diện tích hộ dân để nghỉ thu hồi	Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chi chủ
				Tổng	Phụ nông nghiệp		Nông nghiệp												
					Khác	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa									

10	Bà Trần Thị Hậu	Ấp 1, xã Phước Thái (ấp 1, xã Phước Bình cũ), thành phố Đồng Nai	445,8				445,8	445,8					215.254.530		822.890		16.000.000	232.077.420	
11	Ông Trần Văn Tráng và Bà Phan Thị Sáu	Ấp 1, xã Phước Thái (ấp 1, xã Phước Bình cũ), thành phố Đồng Nai	928,8				928,8	18,1		910,7			304.395.165	42.398.376	10.110.567	1.843.290	16.000.000	374.747.398	
12	Ông Nguyễn Văn Đạo	Ấp 2, (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch cũ) xã Phước An, thành phố Đồng Nai	301,3				301,3	301,3					145.482.705		6.495.594	921.645	12.000.000	164.899.944	
13	Bà Thái Thị Đông (ĐG-chiếu) - Thái Thị Bạch, Thái Thanh Việt (TK)	Ấp 4, (xã Quy Đức, huyện Bình Chánh cũ) Hưng Long, thành phố Hồ Chí Minh	366,0				366,0			366,0			111.447.000		9.229.767	7.373.160	12.000.000	140.049.927	
14	Bà Nguyễn Thị Liên	(ấp 1, xã Phước Bình cũ), ấp 1, xã Phước Thái, TP. Đồng Nai	483,5				483,5			483,5			156.676.125	230.386.224			16.000.000	403.062.349	
15	Nguyễn Thị Như Thảo (1985)	Ấp 2 (ấp 1B cũ), xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	205,2				205,2	205,2					50.879.340	197.107.760	89.600		16.000.000	264.076.700	
II. Đoàn quy đầu xe																			
16	Nguyễn Thị Phương Linh	Ấp 2 (ấp 1B cũ), xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	104,2	9,0		9,0	24,2	24,2				71,0	402.763.200	140.494.464			20.000.000	563.257.664	
17	Nguyễn Thị Minh Tâm	Ấp 2 (ấp 1B cũ), xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	351,1				351,1	351,1					87.055.245	77.988.360	6.999.193		12.000.000	184.042.798	
18	Kiều Thị Hợi	Ấp 2 (ấp 1B cũ), xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	150,5				150,5	150,5					87.290.000	363.242.000			16.000.000	466.532.000	
19	Hồ Xuân Phát (có tài sản trên đất thửa 22 tờ bản đồ số 110)	Ấp 2 (ấp 1B cũ), xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai												236.976.336				236.976.336	
20	Vũ Quang Lợi - Nguyễn Thị Xuân	Ấp 2 (ấp 1B cũ), xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	60,0				60,0	60,0					41.760.000	116.611.016			12.000.000	170.371.016	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)							Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dãi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Phi nông nghiệp		Nông nghiệp											
				Tổng	Khác	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa							
21	Bà Vũ Thị Tuyết Thanh	số 502, tổ 1, ấp 1, xã Phước Thái (ấp 6, xã Phước Bình cũ), TP. Đồng Nai	19,6			19,6	19,6							4.000.000	40.960.816		
22	Trần Hữu Hạnh (có tài sản trên đất thừa số 31 tờ bản đồ số 43)	Ấp 2 (ấp 1B cũ), xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai													261.422.240		
23	Ông Hoàng Trung Hiếu (TSTD Đăng Tầm)	Tổ 8, ấp 1B, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai													32.305.800		
24	Phạm Thị Thủy Diễm (TSTD của Nguyễn Thị Thảo)	Tổ 1, ấp 1, xã Phước Bình, thành phố Đồng Nai													25.722.512		
25	Trần Hữu Trí (TSTD của Nguyễn Thị Thảo)	Ấp 1B, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai										3.633.800			70.849.288		
26	Ông Đặng Minh Cường (TSTD Đăng Tầm)	ấp 2, xã Phước Thái (ấp 1B cũ), thành phố Đồng Nai													49.547.800		
27	Ông Lê Tuấn Hùng và Bà Quang Thị Ngọc Minh	Ấp 1B, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	78,7	50,0		50,0	28,7	28,7						12.000.000	140.527.638		
28	Lê Tuấn Hùng và Quang Thị Ngọc Minh (TSTD Đăng Tầm)	ấp 2, xã Phước Thái (ấp 1B cũ), thành phố Đồng Nai										978.880			23.813.600		
29	Ông Vũ Xuân Thiên	Tổ 1, ấp 2, xã Phước Thái (ấp 1B cũ), thành phố Đồng Nai	25,9	4,6		4,6	21,3	21,3						12.000.000	161.361.000		
30	Ông Đào Ngọc Trai	Tổ 1, ấp 2, xã Phước Thái (ấp 1B cũ), thành phố Đồng Nai	23,7				23,7	23,7				379.491		12.000.000	122.977.399		
31	Ông Ngô Văn Hiệp và Bà Nguyễn Thị Thọ	Ấp 2 (ấp 1A cũ), xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	220,2				220,2	220,2				2.551.082		20.000.000	569.622.548		
32	Bà Đặng Thị Tinh (TSTD Đăng Tầm)	ấp 2, xã Phước Thái (ấp 1B cũ), thành phố Đồng Nai												16.000.000	222.896.852		
33	Trần Tấn Sang (TSTD của Nguyễn Thị Thảo)	Ấp 1B, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai										621.200		16.000.000	452.647.440		

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)								Diện tích hộ dân để bồi thường	Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dót	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chi chủ
				Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp												
					Khác	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất									

34	Bà Phan Ngọc Giàu	Số 595/110, tầng 2, c/c 88 căn, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Hoà Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	373,5				373,5	373,5						113.730.750	689.538.686	11.360.597		20.000.000	834.630.033	
III. Đoàn đường gồm DT.770B																				
35	Ông Phạm Văn Thắng	Ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	999,9				999,9	999,9					724.927.500					20.000.000	744.927.500	
36	Ông Phạm Văn Năm và Bà Lương Thị Yêm	Ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	702,3				702,3	702,3					274.950.450						274.950.450	
37	Ông Nguyễn Văn Hồng	Ấp 2, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	609,7	87,3		87,3	522,4	522,4					297.986.115	1.016.800	12.859.958		16.000.000	327.862.873		
38	Nguyễn Duy Hoàng (đệ-chết) - Nguyễn Thị Kim Liên (thừa kế)	T10 khối S, chung cư Phúc Yên 2, 33 Phan Huy ích, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	1.106,6	300,0		300,0	801,9	801,9				4,7	2.366.935.000	1.018.090.099	2.290.000		20.000.000	3.407.315.099		
39	Nguyễn Thị Ngọc Nga	Ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, thành phố Đồng Nai	634,3				634,3	634,3					459.867.500		1.938.384	3.420.000	16.000.000	481.225.884		
40	Ông (bà) Nguyễn Tuấn Anh và Nguyễn Thị Liên	Ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai	2.540,2	300,0		300	2221,0	2221,0				19,2	3.174.875.000	999.935.320			20.000.000	4.194.810.320		
41	Ông Bùi Văn Hải và Bà Nguyễn Thị Thanh Lan (có tài sản trên đất thửa số 9, 10 từ bản đồ số 19)	Ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai												769.338.196	3.106.729			772.444.925		
42	Ông Lâm Xuân Bảo Sơn và Bà Trương Thị Tuyết (có tài sản trên đất thửa số 78 từ bản đồ số 19)	Ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai												7.266.680	479.600			7.746.280		
43	Bà Nguyễn Thị Thu Hương (có tài sản trên đất thửa số 35 từ bản đồ số 19)	Ấp Đồng Giang A, xã Đồng Thuận, thành phố Cần Thơ												42.199.229	1.972.626			44.171.855		
44	Ông Nguyễn Anh Kiệt và Bà Lê Thị Thơm (có tài sản trên đất thửa số 36 từ bản đồ số 19)	Ấp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai												351.860.218				351.860.218		

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m²)	Diện tích đất bồi thường (m²)							Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất công trình xây dựng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dãi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Phi nông nghiệp		Nông nghiệp											
				Tổng	Khác	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa							
45	Ông Đỗ Tất Thành và bà Phạm Thị Loan (có tài sản trên đất thừa số 10 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai										14.338.071				387.116.551	
46	Ông Vũ Ngọc Linh và bà Võ Thị Bích Như (có tài sản trên đất thừa số 10 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai										6.771.500				264.540.660	
47	Ông Bùi Văn Tiến và bà Trần Thị Thanh Thủy (có tài sản trên đất thừa số 10 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai										1.241.156				208.003.712	
48	Ông Ngô Ngọc Đức (có tài sản trên thửa đất số 19 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai										625.134				1.030.573.574	
49	Ông Nguyễn Tài Toàn (có tài sản trên thửa đất số 19 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai										338.867				377.382.371	
50	Ông (bà) Vũ Ngọc Tiếp - Nguyễn Thị Hinh (có tài sản trên đất thừa số 7 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai														502.110.796	
51	Ông (bà) Phạm Hoàng Bình - Nguyễn Thị Ánh Nguyệt (có tài sản trên đất thừa số 36 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai														232.978.856	
52	Bà Nguyễn Thị Kiều Nga (có tài sản trên đất thừa số 36 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai														272.462.560	
53	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hằng (có tài sản trên đất thừa số 36 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai										349.200				447.125.364	
54	Ông (bà) Bùi Văn Sơn và Nguyễn Thị Ninh (có tài sản trên thửa đất số 8 tờ bản đồ số 19)	Áp 4, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai										3.372.508				600.351.968	
Tổng			14.664,3	750,9	-	750,9	13.804,7	10.046,3	1.571,1	2.187,3	-	167.389,064	24.617,835	434.000.000,0	22.708.074,411		

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m²)	Diện tích đất bồi thường (m²)											Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chú chú				
				Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp					Diện tích hộ dân để nghỉ thu hồi	Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất			Giá trị bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đòi
					Kiểu	Đất ở nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất									
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																			22.708.074.411	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																			794.782.604	
Trong đó:																				
- Kinh phí cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất (2,975%)																			675.565.214	
- Kinh phí cho UBND xã (0,525%)																			119.217.390	
Tổng cộng (1+2):																			23.502.857.015	

(Bảng chữ Hai mươi hai tỷ, năm trăm lẻ hai triệu, tám trăm năm mươi bảy ngàn, không trăm lẻ tám đồng)